

TỈNH ỦY QUẢNG BÌNH
HỘI ĐỒNG THI NÂNG NGẠCH CÔNG CHỨC
VÀ XÉT THĂNG HẠNG VIÊN CHỨC

Quảng Bình, ngày 10 tháng 12 năm 2018

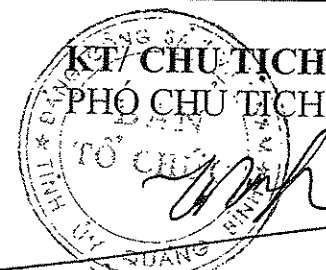
KẾT QUẢ THI NÂNG NGẠCH CHUYÊN VIÊN CHÍNH NĂM 2018

Kèm theo công văn số 43-CV/HĐ ngày 10/12/2018 của Hội đồng thi nâng ngạch và xét thăng hạng

TT	Họ và tên	Số báo danh	Năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	KẾT QUẢ THI CÁC MÔN				Ghi chú
					Ngoại ngữ	Kiến thức chung	CMNV + Tin học	Tổng điểm môn KTC + CMNV & TH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Nguyễn Cao Thành	QB027	26/9/1979	Lê Thủy	Miễn thi	84,00	100	184,00	
2	Từ Ngọc Thịnh	QB030	30/7/1978	LĐLĐ tỉnh	Miễn thi	88,00	96,00	184,00	
3	Nguyễn Hải Thường	QB035	20/4/1978	Ba Đồn	66,00	85,75	98,00	183,75	
4	Trần Khánh Trang	QB038	25/12/1983	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	71,00	86,50	96,00	182,50	
5	Trần Thị Hoài Nam	QB019	2/6/1977	Đảng ủy Khối DN tỉnh	72,00	83,50	98,00	181,50	
6	Đỗ Ngọc Sơn	QB025	23/2/1980	Quảng Ninh	Miễn thi	83,00	98,00	181,00	
7	Võ Khắc Đức	QB004	6/5/1977	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	74,00	84,50	96,00	180,50	
8	Phạm Khánh Dương	QB003	2/9/1982	Văn phòng Tỉnh ủy	78,00	80,25	100	180,25	
9	Lê Hữu Thiết	QB028	1/6/1978	Bố Trạch	76,00	83,00	96,00	179,00	
10	Nguyễn Thị Thu Thủy	QB033	28/10/1979	Đồng Hới	Miễn thi	80,25	98,00	178,25	
11	Đoàn Thị Thủy	QB031	26/10/1975	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	78,00	80,00	98,00	178,00	
12	Đặng Văn Dương	QB002	2/6/1977	Lê Thủy	76,00	81,50	96,00	177,50	
13	Bùi Huy Hoàng	QB013	11/11/1979	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	74,00	79,00	98,00	177,00	
14	Cái Thị Thùy Giang	QB005	8/10/1983	Ban Dân vận Tỉnh ủy	74,00	78,50	98,00	176,50	
15	Trần Đình Sang	QB024	17/1/1973	Đồng Hới	68,00	82,50	94,00	176,50	
16	Từ Thị Thu Hạnh	QB010	17/9/1972	LĐLĐ tỉnh	74,00	82,00	94,00	176,00	
17	Phan Đức Thịnh	QB029	15/5/1968	LĐLĐ tỉnh	74,00	87,50	88,00	175,50	
18	Mai Danh Nguyên	QB020	30/4/1975	Tuyên Hóa	Miễn thi	83,00	92,00	175,00	
19	Đinh Hồng Pha	QB021	23/5/1976	Mình Hóa	Miễn thi	81,00	94,00	175,00	
20	Đỗ Trung Quân	QB023	17/3/1978	Lê Thủy	Miễn thi	81,00	94,00	175,00	

21	Đặng Thị Ngọc Yến	QB041	4/3/1981	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	59,00	81,00	94,00	175,00	
22	Nguyễn Thị Thu Hiền	QB012	18/3/1978	Đảng ủy Khối CCQ tỉnh	74,00	74,00	100	174,00	
23	Trần Công Phòng	QB022	10/12/1976	Văn phòng Tỉnh ủy	76,00	87,00	86,00	173,00	
24	Phạm Trọng Tiến	QB036	2/6/1981	Đảng ủy Khối DN tỉnh	74,00	78,75	94,00	172,75	
25	Nguyễn Viết Sỹ	QB026	3/8/1977	Đảng ủy Khối DN tỉnh	74,00	84,50	88,00	172,50	
26	Lê Xuân Thủy	QB032	4/3/1980	Đảng ủy Khối CCQ tỉnh	77,00	76,75	94,00	170,75	
27	Phạm Xuân Kỳ	QB016	8/12/1963	Tuyên Hóa	Miễn thi	92,50	78,00	170,50	
28	Nguyễn Đình Mão	QB018	6/6/1963	Tuyên Hóa	Miễn thi	92,00	78,00	170,00	
29	Nguyễn Văn Bảy	QB001	30/9/1970	Quảng Trạch	64,00	79,75	90,00	169,75	
30	Trần Duy Hưng	QB015	26/6/1977	Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh	Miễn thi	79,00	90,00	169,00	
31	Lê Châu Tuấn	QB039	30/10/1965	Đảng ủy Khối DN tỉnh	56,00	84,75	84,00	168,75	
32	Trần Thị Thanh Thủy	QB034	17/6/1980	Ban Dân vận Tỉnh ủy	68,00	78,50	90,00	168,50	
33	Phạm Thị Hà	QB006	15/8/1980	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	76,00	80,25	88,00	168,25	
34	Trần Thị Hạnh	QB009	29/4/1977	Đảng ủy Khối DN tỉnh	74,00	77,50	90,00	167,50	
35	Võ Minh Hải	QB008	27/9/1975	Lệ Thủy	68,00	78,75	88,00	166,75	
36	Hoàng Thị Hiền	QB011	20/3/1968	LĐLĐ tỉnh	Miễn thi	75,00	88,00	163,00	
37	Lưu Thị Huế	QB014	22/1/1978	Hội LHPN tỉnh	Miễn thi	73,00	88,00	161,00	
38	Trần Xuân Lợi	QB017	22/12/1973	LĐLĐ tỉnh	Miễn thi	76,00	84,00	160,00	
39	Nguyễn Tiến Hải	QB007	12/11/1970	LĐLĐ tỉnh	Miễn thi	70,25	86,00	156,25	
40	Nguyễn Bắc Việt	QB040	15/12/1972	Minh Hóa	68,00	79,50	76,00	155,50	
41	Lê Minh Toàn	QB037	3/8/1973	LĐLĐ tỉnh	62,00	72,75	74,00	146,75	

Danh sách gồm có 41 người./.



Trần Xuân Vinh

UVBTW, TRƯỞNG BAN TỔ CHỨC TỈNH ỦY